

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”**

*(Trữ lượng tính đến ngày 05 tháng 02 năm 2018)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Giấy phép số 467/GP-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh cho phép Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình được thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 28/3/2018;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 18/5/2018 và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 802/TTr-STNMT ngày 06/7/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 4,2048 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 15, 5, 17, 3, 18, 19, 20, 21 và 22 có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ , thuộc xã Hà Tân, huyện Hà Trung.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo;

2.1. Trữ lượng địa chất cấp 121:

- Khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là  $1.627.459 \text{ m}^3$ ; trong đó, có  $16.275 \text{ m}^3$  đá khối để xẻ;

- Khoáng sản đi kèm: Đất san lấp là  $54.249 \text{ m}^3$ .

2.2. Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác:

- Khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là  $1.262.179 \text{ m}^3$ ; trong đó, có  $12.622 \text{ m}^3$  đá khối để xẻ;

- Khoáng sản đi kèm: Đất san lấp là  $42.073 \text{ m}^3$ .

3. Cao độ tính trữ lượng: Đến cos +20,0 m.

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo.

**Điều 2.** Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

**Điều 3.** Trách nhiệm thi hành

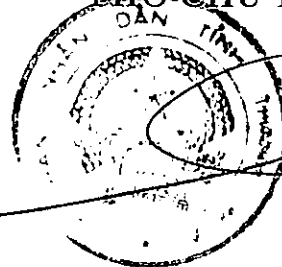
1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- HTX Công nghiệp Đông Đình;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

TOẠ ĐỘ KHU VỰC THAM ĐO, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG  
KHOÁNG SẢN ĐÁ VỎ LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG  
TẠI XÃ HÀ TÂN, HUYỆN HÀ TRUNG

(Phụ lục kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 2606/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN-2000 (Kinh tuyến trục $105^{\circ}00'$ , múi chiếu $3^{\circ}$ )	
		X(m)	Y(m)
1	15	2216 633.00	585 292.00
2	5	2216 589.00	585 239.00
3	17	2216 563.00	585 169.00
4	3	2216 465.00	585 169.00
5	18	2216 465.00	585 092.00
6	19	2216 594.00	585 101.00
7	20	2216 613.00	585 007.00
8	21	2216 708.69	585 017.71
9	22	2216 719.00	585 283.00
Tổng diện tích S= 4,2048 ha			

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHUANG SẢN KHU VỰC THĂM DÒ MỎ ĐÁ VÔI  
LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG TẠI HÀ TÂN, HUYỆN HÀ TRUNG

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 2006/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

1. Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường:

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng địa chất đá làm VLXD thông thường (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	K-I	+ 20,0	134.309	
2	K-II	+ 20,0	487.233	
3	K-III	+ 20,0	660.407	
4	K-IV	+ 20,0	308.934	
5	K-V	+ 20,0	30.906	
6	K-VI	+ 20,0	5.670	
Trữ lượng cấp 121			1.627.459	

2. Đất làm vật liệu san lấp: 54.249 m<sup>3</sup>